

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUYỀN QUANG
TỈNH TUYỀN QUANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **214/2019/HNGĐ-ST**

Ngày 26/8/2019

*“Về việc tranh chấp hôn nhân gia đình giữa
chị Phạm Huyền L và Anh Nguyễn Đức H”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUYỀN QUANG, TỈNH TUYỀN QUANG
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thanh Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vương Minh Tân.
2. Ông Nguyễn Tiến Quân.

Thư ký phiên tòa: Bà Triệu Thị Thúy Tình - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Tuyền Quang, tỉnh Tuyền Quang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyền Quang, tỉnh Tuyền Quang tham gia phiên tòa: Ông Vũ Khánh Đại - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Q mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 350/2018/TLST-HNGĐ, ngày 27 tháng 12 năm 2018 về việc Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 27/6/2019; quyết định hoãn phiên tòa số 12/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 26/7/2019 giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:* Chị Phạm Huyền L, sinh năm: 1989;
Nghề nghiệp: Buôn bán;
Nơi ĐKKHKT: Xóm 8, xã M, huyện S, tỉnh Tuyền Quang.
Nơi ở: Số nhà 272, đường Quang Trung, tổ 18, phường P, thành phố Q, tỉnh Tuyền Quang.

** Bị đơn:* Anh Nguyễn Đức H, sinh năm 1981;
Nghề nghiệp: Cán bộ - Bảo hiểm xã hội tỉnh Tuyền Quang;
Địa chỉ: Số nhà 167, đường Lê Duẩn, tổ 8, phường T, thành phố Q, tỉnh Tuyền Quang.

*(Chị L có mặt tại phiên tòa;
Anh H vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, ý kiến tại phiên hòa giải và tại phiên tòa của chị Phạm Huyền L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và Anh Nguyễn Đức H có quan hệ vợ chồng, kết hôn năm 2015, khi kết hôn có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn đúng quy định tại UBND phường T, thành phố Q ngày 12/12/2015. Sau khi kết hôn hai vợ chồng về chung sống với tại gia đình nhà anh H cùng bố mẹ đẻ anh H, đến khi chị sinh con được khoảng 3 tháng thì chị và anh H thuê nhà ra tổ 18, phường P sống riêng, chị mở cửa hàng bán kính mắt đồng hồ còn anh H đi làm ở Bảo hiểm xã hội tỉnh Tuyên Quang. Cuộc sống chung của vợ chồng ban đầu hạnh phúc không có mâu thuẫn gì, nhưng từ khi anh H đi học anh H thường xuyên đi ăn cơm uống rượu về muộn, chị nói nhiều lần nhưng anh H không nghe, vợ chồng bắt đầu có cãi vã, cuộc sống chung bắt đầu có mâu thuẫn. Khi thuê nhà để mở cửa hàng thì đồng thời hai vợ chồng cũng ra ngoài sống, không sống cùng bố mẹ anh H nữa. Nhưng chị ra ở riêng được thời gian ngắn thì vợ chồng vẫn cãi nhau, quan điểm không phù hợp, anh H không muốn ở riêng nữa mà lại quay về nhà bố mẹ đẻ anh H sống, chị và con vẫn ở nhà thuê. Chị và anh H sống lý thân từ đó, không còn quan tâm đến nhau. Hàng ngày bố mẹ anh H ra cửa hàng đón cháu về nhà trông, chiều lại đưa về chỗ cửa hàng. Đến nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với Anh Nguyễn Đức H.

Về con chung: Chị và Anh Nguyễn Đức H có 01 con chung, cháu Nguyễn Đức N, sinh ngày 23 tháng 4 năm 2017. Hiện nay con chung của chúng tôi đang ở với chị vì cháu còn nhỏ cần có mẹ chăm sóc, chị đề nghị được là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của chị và anh H, chị chấp nhận mức cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng mà anh Huy đề nghị, tiền cấp dưỡng nuôi con anh H chuyển vào tài khoản của chị tại ngân hàng.

Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Chị xác định chị và Anh Nguyễn Đức H không có tài sản, đất đai chung; vợ chồng không có vay nợ chung. Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, ý kiến tại phiên hòa giải bị đơn, Anh Nguyễn Đức H xác nhận về mối quan hệ hôn nhân giữa anh với chị Phạm Huyền L như ý kiến của chị L đã trình bày. Tuy nhiên anh H cho rằng mâu thuẫn vợ chồng là do chị L chưa hiểu, chưa thông cảm cho công việc của anh dẫn đến việc vợ chồng có cãi vã. Anh không nhất trí ly hôn vì anh vẫn còn tình cảm với chị L, muốn vợ chồng hàn gắn cùng nuôi dạy con, cho con đỡ thiệt thòi. Về con chung, anh xác nhận anh và chị L có 01 con chung, cháu Nguyễn Đức N, sinh ngày 23 tháng 4 năm 2017, anh muốn vợ chồng cùng đoàn tụ để nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con. Về tài sản, đất đai, vay nợ chung, anh xác định vợ chồng không có tài sản, đất đai chung, không có vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn đề nghị Anh Nguyễn Đức H gửi đến Tòa án ghi ngày 26/8/2019, anh trình bày: Vì muốn níu kéo tình cảm vợ chồng nên anh đã cố ý trì hoãn việc ly hôn. Nhưng đến nay chị L vẫn cương quyết ly hôn anh nhất trí, đề nghị Tòa án giải quyết

cho anh và chị L ly hôn. Về con chung, vì con còn nhỏ anh H nhất trí để chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của anh và chị L là cháu Nguyễn Đức N, hàng tháng anh sẽ cấp dưỡng nuôi con số tiền 1.500.000 đồng/tháng, tiền cấp dưỡng nuôi con anh sẽ chuyển trực tiếp vào tài khoản của chị L tại Ngân hàng BIDV. Đồng thời anh cũng yêu cầu chị L không được ngăn cản việc anh thăm nom con chung; trong trường hợp chị L không đảm bảo điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng con hoặc có gia đình riêng anh sẽ yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con. Tài sản, đất đai, vay nợ chung anh xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đồng thời, anh đề nghị Tòa án cho anh vắng mặt tại phiên tòa vì anh bận công việc không đến tham gia phiên tòa được.

Qua xác minh tại địa phương và tại gia đình Anh Nguyễn Đức H về mối quan hệ hôn nhân, quan hệ con chung, quan hệ tài sản, đất đai, vay nợ chung giữa chị Phạm Huyền L và Anh Nguyễn Đức H thể hiện: Chị Phạm Huyền L và Anh Nguyễn Đức H có quan hệ vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố Q vào ngày 12/12/2015, sau khi kết hôn cùng về chung sống tại gia đình anh Huy phường T, thành phố Q. Sau khi sinh con chị L và anh H có thuê nhà ra ở riêng và mở cửa hàng để chị L bán hàng. Một thời gian thì không rõ vợ chồng mâu thuẫn như thế nào anh H quay về nhà bố mẹ để anh H ở, chị L và con vẫn ở cửa hàng. Anh H và chị L không còn chung sống với nhau từ đó. Anh Nguyễn Đức H và chị Phạm Huyền L có 01 con chung, cháu Nguyễn Đức N, sinh ngày 23 tháng 4 năm 2017, con chung của anh H chị L hiện đang ở cùng chị L, hàng ngày ông bà nội đón cháu về nhà trông xem lại đưa ra cho chị L. Anh Huy và chị L không có đất đai chung, tài sản chung và vay nợ chung thì địa phương và gia đình không nắm được.

Anh Nguyễn Đức H và chị Phạm Huyền L đều cung cấp các tài liệu chứng minh về thu nhập cá nhân.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 28, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Xử cho chị Phạm Huyền L được ly hôn với Anh Nguyễn Đức H. Về quan hệ con chung: Giao cháu Nguyễn Đức N cho chị Phạm Huyền L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; anh H cấp dưỡng nuôi con chung, cháu Nguyễn Đức N, mức cấp dưỡng 1.500.000 đồng/tháng; phương thức cấp dưỡng: Hàng tháng; thời gian cấp dưỡng từ tháng 9/2019 cho đến khi cháu Nguyễn Đức N đủ 18 tuổi. Anh H có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Về quan hệ tài sản, đất đai chung chị L và anh H xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải

quyết. Nên không đề nghị xem xét. Chị Phạm Huyền L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm; Anh Nguyễn Đức H phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung; các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, ý kiến trình bày tại buổi hòa giải, tại phiên tòa của chị Phạm Huyền L; nội dung bản tự khai, ý kiến trình bày tại buổi hòa giải, đơn đề nghị của Anh Nguyễn Đức H và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Huyền L và Anh Nguyễn Đức H kết hôn với nhau trên cơ sở tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật ngày 12/12/2015 tại UBND phường T, thành phố Q. Tuy nhiên, khi chung sống không hòa thuận, vợ chồng không có cùng quan điểm sống, tính tình không hợp, vợ chồng có những việc không hiểu, không thông cảm, không chia sẻ được với nhau dẫn đến mâu thuẫn, cãi vã. Từ cuối năm 2017 đầu năm 2018 chị L và anh H đã sống ly thân, từ đó đến nay không cùng chung sống. Cuộc sống vợ chồng của chị L và anh H không có sự gắn kết, thực tế không có hạnh phúc, không tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ.

Quá trình giải quyết vì nghĩ đến con chung còn nhỏ anh H đã cố ý trì hoãn việc ly hôn để muốn vợ chồng đoàn tụ. Nhưng quá trình hòa giải đoàn tụ không thành, vợ chồng không thể hàn gắn và không tiếp tục chung sống. Nên tại đơn đề nghị gửi đến Tòa án nhân dân thành phố Q, anh H đã nhất trí ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết cho hai vợ chồng được ly hôn.

Tại phiên tòa chị Phạm Huyền L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với Anh Nguyễn Đức H.

Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Huyền L xử cho chị Ly được ly hôn với Anh Nguyễn Đức H.

[2] Về con chung: Chị Phạm Huyền L và Anh Nguyễn Đức H có 01 con chung, cháu Nguyễn Đức N, sinh ngày 23 tháng 4 năm 2017. Cháu N hiện nay đang do chị L nuôi dưỡng, có sự quan tâm, giúp đỡ của anh H và gia đình anh H. Cháu Nguyễn Đức N hiện nay chưa đủ 36 tháng tuổi. Chị L yêu cầu được là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu N và yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con số tiền 1.500.000 đồng/tháng. Ban đầu do không muốn ly hôn nên anh H không nhất trí; tại buổi hòa giải chị L không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại đơn đề nghị của anh H, anh H nhất trí để chị L là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Đức N, là con chung của anh và chị L. Anh cấp dưỡng nuôi cháu N số tiền 1.500.000 đồng/tháng; tiền cấp dưỡng sẽ được chuyển vào tài khoản cá nhân của chị L. Đồng thời, anh H trình bày nếu trong thời gian nuôi con chị L không đảm bảo điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung hoặc có gia đình riêng anh H sẽ yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung. Kèm theo là Giấy cam kết của chị L viết, cam kết về việc trong quá trình

nuôi con sẽ đảm bảo điều kiện về trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, chăm sóc con chung của chị và anh H.

Tại phiên tòa, chị Phạm Huyền L vẫn giữ nguyên quan điểm về việc yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung và chấp nhận việc anh H cấp dưỡng nuôi con chung 1.500.000 đồng/tháng, tiền cấp dưỡng chuyển vào tài khoản của chị hàng tháng. Đồng thời, chị L xác nhận giấy cam kết về việc đảm bảo điều kiện nuôi con là do chị viết.

Các tài liệu thu thập được đều thể hiện Anh Nguyễn Đức H và chị Phạm Huyền L đều đảm bảo đủ điều kiện về thu nhập và chỗ ở để nuôi con.

Từ những nhận định đã nêu ở trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Nguyễn Đức N, sinh ngày 23 tháng 4 năm 2017, là con chung của anh H và chị L cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu N mức cấp dưỡng 1.500.000 đồng/tháng; phương thức cấp dưỡng hàng tháng; thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 9/2019 cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Anh H có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Nếu Anh Nguyễn Đức H chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì anh Huy còn phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

[3] Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Chị Phạm Huyền L và Anh Nguyễn Đức H đều xác nhận vợ chồng tự không có tài sản, đất đai chung; không có vay nợ chung. Không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Chị Phạm Huyền L phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm; Anh Nguyễn Đức H phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Huyền L ly hôn với Anh Nguyễn Đức H.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Đức N, sinh ngày 23 tháng 4 năm 2017, là con chung của chị L và anh H cho chị Phạm Huyền L trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục. Anh Nguyễn Đức H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, mức cấp dưỡng: 1.500.000 đồng/tháng; phương thức cấp dưỡng: Hàng

tháng; thời gian cấp dưỡng: Kể từ tháng 9/2019 cho đến khi cháu Nhân đủ 18 tuổi. Anh H có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

“Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự”.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Phạm Huyền L phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Ly đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số N⁰ 0000201 ngày 27 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang, tỉnh Q. Chị L đã nộp đủ tiền án phí.

Anh Nguyễn Đức H phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Huyền L, có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Đức H, vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND thành phố Tuyên Quang;
- THADS thành phố Tuyên Quang;
- UBND phường Tân Hà;
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lương Thanh Huyền

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Vương Minh Tân – Nguyễn Tiến Quân

Lương Thanh Huyền

